TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHỤNG HIỆP** **TỈNH HẬU GIANG** Bản án số:11/2020/HNGĐ-ST Ngày: 09 - 01 - 2020 V/v "Ly hôn và tranh chấp về quyền nuôi con chung"	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHỤNG HIỆP-TỈNH HẬU GIANG

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Liêm.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thế Tự;
2. Ông Phan Công Điện.

***-Thư ký phiên tòa*:** Ông Phan Công Trận – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang.

Ngày 09 tháng 01 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 523/2020/TLST-HNGĐ, ngày 05 tháng 12 năm 2019 về việc *"Ly hôn và tranh chấp về nuôi con chung"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 138/2019/QĐXXST-HN, ngày 23 tháng 12 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Lý Ngọc B** (tên gọi khác N), sinh năm 1995.

Địa chỉ: ấp X, xã H, huyện H, tỉnh Hậu Giang.

Chỗ ở: ấp 12, thị trấn Vĩnh Viễn, huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang.

2. Bị đơn: **Bùi Nguyễn K** (tên gọi khác H), sinh năm 1991.

Địa chỉ: ấp Phú X, xã H, huyện H, tỉnh Hậu Giang.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án: ông Bùi Văn L, sinh năm 1965 và bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1972 cùng địa chỉ: ấp X, xã H, huyện H, tỉnh Hậu Giang.

Các đương có mặt, ông Bùi Văn L và bà Nguyễn Thị M có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện xin ly hôn và các lời khai trong quá trình giải quyết cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn Lý Ngọc B (sau đây gọi chị B) trình bày: giữa chị và bị đơn Bùi Nguyễn K (sau đây gọi anh K) qua tìm hiểu nhau mà tự nguyện quyết định đi đến hôn nhân vào năm 2016, có đăng ký kết hôn. Vợ

chồng chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do anh K có tính gia trưởng, quản lý toàn bộ về kinh tế, mỗi lần chị cần tiền tiêu xài cá nhân thì phải xin tiền chồng, từ đó vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau, đã nhiều lần hoà giải hàn gắn tình cảm nhưng không thành nên đã sống ly thân từ tháng 6 năm 2019 đến nay. Do cuộc sống chung không hạnh phúc, chị B khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

-Về hôn nhân: xin ly hôn với anh K.

-Về con chung: có một con chung tên Bùi Lý Duy Kh (nam), sinh ngày 25 tháng 02 năm 2018. Từ khi ly thân đến nay con sống với chị, đến tháng 9 (âl) anh K rước cháu về quê nội chơi nhưng không trả, nay ly hôn chị yêu cầu được nuôi con chung, công việc của chị là giúp việc quán cơm 4.500.000 đồng/tháng, đảm bảo đủ nuôi con nên chưa yêu cầu anh K cấp dưỡng.

-Về nợ và tài sản chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình tố tụng bị đơn Bùi Nguyễn K trình bày: thừa nhận lời trình bày của chị B về quan hệ hôn nhân, con chung và thời gian ly thân. Riêng về nguyên nhân mâu thuẫn, anh cho rằng không có mâu thuẫn gì lớn và anh không gia trưởng, không quản lý kinh tế như vợ anh trình bày, hàng tháng anh đều có đưa tiền vợ anh tiêu xài, anh không rõ lý do gì mà vợ anh tự ý bỏ về nhà cha, mẹ ruột, do còn thương vợ nên anh chưa đồng ý ly hôn. Hiện tại anh gửi cháu Kh cho cha, mẹ ruột anh chăm sóc ban ngày, tối anh đi làm về cùng ở với con. Giả sử phải ly hôn, anh yêu cầu được nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu vợ anh cấp dưỡng vì anh là tài xế Taxi, có nguồn thu nhập trung bình 6.000.000 đồng/tháng, đảm bảo nuôi được con chung; Về nợ và tài sản chung không có, không yêu cầu giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 20.12.2019 ông Bùi Văn L và bà Nguyễn Thị M cùng thống nhất trình bày: vợ chồng K, B sau khi xảy ra mâu thuẫn thì B về nhà mẹ ruột sinh sống, cháu Kh sống cùng K với ông L, bà M; K sáng đi làm, chiều về chăm sóc con, nay ông bà cùng có yêu cầu: để cháu Kh cho K cùng ông L, bà M nuôi dưỡng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp ly hôn và tranh chấp về quyền nuôi con chung được qui định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang.

[2] Về thủ tục tố tụng: ông Bùi Văn L và bà Nguyễn Thị M có đơn xin xét xử vắng mặt; căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử mở phiên tòa xét xử vắng mặt đối với các đương sự này.

[3] Xét về quan hệ hôn nhân: chị B và anh K qua tìm hiểu nhau, tự nguyện tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn ngày 20 tháng 12 năm 2016 tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện H, tỉnh Hậu Giang, nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp và được pháp luật thừa nhận.

[4] Xét yêu cầu xin ly hôn của chị B, Hội đồng xét xử xét thấy: chị và anh K trong thời gian chung sống có phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống mà không có giải pháp khắc phục để hoà giải hàn gắn tình cảm mà đã sống ly thân; xét thấy thời gian ly thân thì tự ai người đó sống, không ai quan tâm, lo lắng cho ai. Anh K không đồng ý ly hôn nhưng không đưa ra được giải pháp đoàn tụ, trong khi tại phiên tòa hôm nay, chị B xác định không còn tình cảm vợ chồng với anh K và cương quyết xin ly hôn; từ đó thấy rằng hôn nhân giữa anh, chị đã thật sự lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được; căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân gia đình có cơ sở chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị B.

[5] Về con chung: có một người con chung, anh K và chị B có tranh chấp về quyền nuôi con. Tuy nhiên, xét cháu Duy Kh, từ khi ly thân cháu sống với chị B, thời gian gần đây anh K rước cháu về sống với anh. Xét cả anh và chị đều có tình cảm thiêng liêng giành cho con, cả hai đều có đủ điều kiện nuôi con chung. Tuy nhiên, cháu Kh hiện tại do ông L và bà M (ông bà nội cháu Kh) nuôi dưỡng và cháu chưa đủ 36 tháng tuổi, Theo quy định tại khoản 3 Điều 81 Luật hôn nhân gia đình quy định *"Con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi"*. Ngoài ra cũng không có căn cứ nào chứng minh là chị B không đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung, từ đó đủ căn cứ giao cháu Kh cho chị B được trực tiếp nuôi dưỡng và nuôi dưỡng cho đến khi cháu Kh đủ 18 tuổi hoặc khi chị B, anh K có yêu cầu khác.

[6] Về nghĩa vụ cấp dưỡng: chị B chưa yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con chung nên không đặt ra xem xét. Dành quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung cho anh K mà không ai có quyền cản trở.

[7] Về tài sản và nợ chung: anh K, chị B trình bày không có, không yêu cầu nên không xem xét.

[8] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: nguyên đơn phải nộp theo quy định pháp luật.

Các đương sự được quyền kháng cáo theo luật định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147 Bộ Luật Tố tụng dân sự. Các Điều 51, 53, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: cho ly hôn giữa chị Lý Ngọc B và anh Bùi Nguyễn K.

2. Về nuôi con chung: ông Bùi Văn L, bà Nguyễn Thị M và anh Bùi Nguyễn K cùng có nghĩa vụ giao cháu Bùi Lý Duy Kh (nam), sinh ngày 25 tháng 02 năm 2018 cho chị Lý Ngọc B được trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu Kh đủ 18 tuổi hoặc khi anh K, chị B có yêu cầu khác.

Anh Bùi Nguyễn K chưa phải cấp dưỡng nuôi con. Dành quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung cho anh Kha mà không ai có quyền cản trở.

3. Về tài sản và nợ chung: không yêu cầu, không xem xét

4. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: chị Lý Ngọc B phải nộp 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) nhưng được khấu trừ từ 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0002378, ngày 05 tháng 12 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang thành án phí, không phải nộp thêm.

Trường hợp quyết định này được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh HG;
- VKSND huyện PH;
- THADS huyện PH;
-UBND xã H, h. H, tỉnh Hậu Giang;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)
Nguyễn Thanh Liêm